

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST

Ngày 18-01-2022

V/v tranh chấp ly hôn, chia tài
sản chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa Phiên tòa: Ông Trần Quốc Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Xuân Chính.

Bà Phạm Kim Luyến.

- **Thư ký Phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Tú Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn tham gia Phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Thúy Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 121/2021/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2021 về “tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Trần Văn D, sinh năm 1957 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm C, thị trấn NC, huyện NC, tỉnh Cà Mau.

- **Bị đơn:** Bà Lâm Thị L, sinh năm 1966 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm C, thị trấn NC, huyện NC, tỉnh Cà Mau.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Nguyễn Văn P (Tên gọi khác: Năm P - vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm C, thị trấn NC, huyện NC, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 13/5/2021, quá trình giải quyết vụ án và tại Phiên tòa nguyên đơn ông Trần Văn D trình bày:*

Về hôn nhân: Ông và bà Lâm Thị L tự nguyện chung sống với nhau thời gian 30 năm nay, không tổ chức lễ cưới và đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định. Trong quá trình chung sống thì thời gian gần đây phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cãi và ly thân thời gian 07 năm nay, ông cảm thấy sống không hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn để tiếp tục

chung sống nên xin ly hôn với bà Lâm Thị L.

Về con chung: Quá trình chung sống ông bà không có con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng có 10 cây vàng 24k hiện do bà L quản lý và 01 căn nhà cấp 4 xây dựng trên phần đất ngang 03m, dài 20m sang nhượng của ông Nguyễn Văn P vào năm 2001 với giá 22 chỉ vàng 24k, có làm giấy tay do bà L cất giữ, đến nay đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng. Từ khi sang nhượng thì ông Nguyễn Văn P bỏ địa phương đi đến nay hiện không rõ đi đâu và làm gì. Ông khởi kiện yêu cầu chia 10 cây vàng 24k và nhà đất theo quy định.

Về nợ chung: Quá trình chung sống ông bà không có nợ chung.

Tại phiên tòa ông D rút lại không yêu cầu phân chia 10 cây vàng 24k và yêu cầu phân chia 08 cây vàng 18k do bà L đang quản lý.

- *Quá trình giải quyết vụ án và tại Phiên tòa bị đơn bà Lâm Thị L trình bày:*

Về hôn nhân: Bà và ông D chung sống với nhau thời gian đã 30 năm (năm 1992), không tổ chức đám cưới và đến nay cũng không đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống có cự cãi và ly thân 08 năm nay không hàn gắn được. Trong 08 năm nay cuộc sống kinh tế của bà và ông D độc lập nhưng bà vẫn lo toàn bộ chi phí sinh hoạt trong gia đình. Nay bà nhận thấy sống với nhau không có tương lai hạnh phúc nên đồng ý ly hôn với ông D.

Về tài sản: Việc ông D nói bà quản lý 10 cây vàng 24k là không đúng sự thật, bà xác định hiện nay không có số vàng này. Hiện bà có quản lý 02 tấm lắc 50 chỉ vàng 18k và 01 sợi dây chuyền 30 chỉ vàng 18k nhưng do bà tự làm mà có trong thời gian ly thân với ông D, là tài sản riêng của bà. Ông D cũng đang quản lý 05 chỉ vàng 24k, đây là vàng riêng của ông D làm có trong thời gian ly thân.

Đối với đất do bà trực tiếp sang nhượng của ông Nguyễn Văn P vào năm 2001 với giá 22 chỉ vàng 24k, hiện chưa có giấy tờ nhà đất vì khi đi làm quyền sử dụng thì cán bộ xác định không đủ diện tích để tách thửa. Đến năm 2002 bà đổ đà cất nhà bằng cây dầu, sau đó bị hư đổ bỏ và cất lại nhà cấp 4 ở cho đến nay. Khi nhà nước làm quốc lộ 1A có giải tỏa bồi thường cho bà gần 100.000.000 đồng và bà có giao giấy mua đất cho nhà nước để làm thủ tục bồi thường nên đến nay không còn giấy sang bán. Nay bà đồng ý nhận toàn bộ nhà đất và giao lại cho ông D 250.000.000 đồng.

Nợ chung: Quá trình chung sống bà và ông D không có thiếu nợ của người khác.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến, yêu cầu gì đối với nội dung nguyên đơn khởi kiện.

- Tại phiên tòa Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng quy định pháp luật về thủ tục tố tụng giải quyết vụ án dân sự. Qua xem xét lời trình bày của các đương sự và các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, Đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9, Điều 14, Điều 33, Điều 53, Điều 59 và Điều 62 Luật

hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa ông D và bà L là vợ chồng.

Về con chung: Không có.

Về tài sản: Chấp nhận yêu cầu phân chia tài sản chung của ông D. Ông D và bà L mỗi người được phân chia $\frac{1}{2}$ nhà đất trị giá 500.000.000 đồng. Giao cho bà L nhà đất và bà L có trách nhiệm hoàn trả cho ông D 250.000.000 đồng.

Đình chỉ yêu cầu của ông D yêu cầu phân chia 10 cây vàng 24k và không xem xét, giải quyết yêu cầu phân chia 08 cây vàng 18k của ông D.

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và án phí các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ông Nguyễn Văn P đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông P là đúng quy định.

[1.2] Tại phiên tòa ông D xin rút lại và không yêu cầu phân chia 10 cây vàng 24k, đây là quyền tự nguyện định đoạt của ông D nên đình chỉ là đúng quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ông D yêu cầu phân chia 08 cây vàng 18k do bà L đang quản lý là vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên không được Tòa án xem xét, giải quyết là có căn cứ. Ông D có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác nếu không thỏa thuận được với bà L và có tranh chấp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quá trình giải quyết vụ án ông D và bà L cùng xác định bắt đầu chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1992 và cho đến nay không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật; quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly thân nhau thời gian 07 năm nay không hàn gắn được. Nay ông D và bà L đồng ý thuận tình ly hôn với nhau cần được công nhận. Tuy nhiên, ông bà chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 cho đến nay không có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền là vi phạm quy định về việc đăng ký kết hôn. Tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này..."*, đối chiếu điều luật viện dẫn, Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu ly hôn của ông bà, mà cần tuyên bố quan hệ hôn nhân giữa ông D và bà L không được pháp luật công nhận vợ chồng là có căn cứ.

[3] Về con chung và nợ chung: Quá trình chung sống ông D và bà L xác định không có con chung và nợ chung nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản ông D yêu cầu phân chia nhà đất thì thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án ông bà thống nhất nhận sang nhượng của ông Nguyễn Văn P phần đất ngang 03m, dài 20m vào năm 2001 với giá 22 chỉ vàng 24k; sau đó ông bà xây dựng nhà cấp 4 sinh sống cho đến nay. Qua đo đạc thực tế diện tích đất tranh chấp là 35,5m² tọa lạc Khóm 8, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, theo bản đồ mục kê năm 2012 là thửa số 50, tờ bản đồ số 09 do ông Nguyễn Văn P kê khai đăng ký. Việc sang nhượng đất của ông Nguyễn Văn P là có thật, được chứng minh qua quá trình quản lý, sử dụng và xây dựng nhà cấp 4 của ông D và bà L là ổn định, không tranh chấp; đến năm 2010 khi Nhà nước giải tỏa để thi công Quốc lộ 1A đi ngang phần đất thì ông D và bà L được Nhà nước công khai phương án bồi thường và nhận tiền bồi thường đúng theo quy định. Ngoài ra, ông Nguyễn Văn P cũng không có ý kiến phản đối việc yêu cầu chia đất của ông D. Do đó, có cơ sở cho rằng phần đất 35,5m² tọa lạc Khóm 8, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn là tài sản chung của ông D và bà L theo quy định tại Điều 229, 232 Bộ luật dân sự năm 1995. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông D và bà L thống nhất giá trị nhà đất hiện nay bằng 500.000.000 đồng nên không yêu cầu định giá. Xét thấy, việc đưa ra giá trị nhà và đất là hoàn toàn tự nguyện, bảo đảm khách quan, công khai và phù hợp với giá thị trường nơi có tài sản tranh chấp nên được chấp nhận. Ông D và bà L thống nhất thỏa thuận giao nhà đất cho bà L nhận quản lý sử dụng, bà L có trách nhiệm giao trả cho ông D giá trị $\frac{1}{2}$ bằng 250.000.000 đồng, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái quy định pháp luật, đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

[5] Chi phí tố tụng theo quy định pháp luật được phân chia theo tỷ lệ tài sản được hưởng 50/50, ông D và bà L mỗi người phải chịu 2.250.500 đồng. Ông D dự nộp 4.501.000 đồng được đối trừ, không phải nộp thêm.

[6] Án phí hôn nhân gia đình ông D phải chịu theo quy định của pháp luật. Án phí dân sự sơ thẩm ông D và bà L đã thỏa thuận được việc phân chia tài sản chung trước khi mở Phiên tòa nên theo quy định của pháp luật ông bà phải chịu 50% mức án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị phần tài sản mà họ được chia. Tuy nhiên, ông D là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, Hội đồng xét xử miễn toàn bộ cho ông D là đúng quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; Điều 157, Điều 158, khoản 3 Điều 228, Điều 244 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 16 và 53 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 229, 232 Bộ luật dân sự năm 1995; Điều 219 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa ông Trần Văn D và bà Lâm Thị

L là vợ chồng.

2. Về tài sản: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của ông D và bà L về phần nhà đất qua đo đạc thực tế có diện tích 35,5m² tọa lạc Khóm 8, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau thuộc thửa 50, tờ bản đồ số 09 theo bản đồ mục kê năm 2012, trị giá 500.000.000 đồng được phân chia cho ông D và bà L mỗi người nhận ½.

- Giao cho bà Lâm Thị L được nhận quản lý, sử dụng nhà và đất diện tích 35,5m² tọa lạc Khóm 8, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau có các hướng tiếp giáp:

Hướng Đông: Điểm M4M5 dài 3,0m tiếp giáp đường Nguyễn Tất Thành.

Hướng Tây: Điểm M3M6 dài 3,0m tiếp giáp nhà đất bà Huỳnh Thị Mẹo.

Hướng Nam: Điểm M5M6 dài 11,83m tiếp giáp nhà đất Trần Quang Thuận.

Hướng Bắc: Điểm M3M4 dài 11,83m tiếp giáp nhà đất Nguyễn Kim Đin.

(Có Bản vẽ trích đo hiện trạng ngày 07/7/2021 của Chi nhánh Công ty TNHH tư vấn xây dựng đo đạc bản đồ Tấn Cường tại Cà Mau kèm theo).

- Buộc bà Lâm Thị L phải có trách nhiệm giao trả cho ông Trần Văn D số tiền 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

- Đình chỉ yêu cầu của ông D yêu cầu phân chia 10 cây vàng 24k.

3. Về chi phí tố tụng: Ông Trần Văn D và bà Lâm Thị L mỗi người phải chịu 2.250.500 đồng. Ông D đã nộp và đối chiếu thanh toán xong.

Buộc bà Lâm Thị L phải có nghĩa vụ giao trả lại cho ông Trần Văn D số tiền 2.250.500 đồng.

4. Kể từ ngày ông D có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bà L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

5. Án phí hôn nhân gia đình và án phí dân sự sơ thẩm miễn toàn bộ cho ông Trần Văn D.

Buộc bà Lâm Thị L phải chịu 6.250.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm (chưa nộp).

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại Pên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- CCTHADS huyện Năm Căn;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PÊN TÒA**

Trần Quốc Kiên